SAO Y; Văn phòng, Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng; 09/09/2020; 10:18:15 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 23 /2020/QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 09 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 73/TTr-STC ngày 26 tháng 8 năm 2020; Báo cáo thẩm định số 112/BC-STP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quyết định này quy định về mức thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng .

2. Đối tượng áp dụng.

a) Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cơ quan nhà nước giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất trồng lúa nước theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, (bao gồm cả các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất trồng lúa nước từ ngày Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành nhưng chưa thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa).

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Điều 2. Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa = Tỷ lệ phần trăm (%) (x) diện tích (x) giá của loại đất trồng lúa.

Trong đó:

1. Tỷ lệ phần trăm (%) bằng 100%.

2. Diện tích là phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp ghi cụ thể trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền.

3. Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Điều 3. Thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

1. Trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường xác định diện tích đất trồng lúa phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo bản kê khai diện tích đất trồng lúa trong hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai.

Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ đề nghị xác định số tiền phải nộp đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện xác định diện tích đất trồng lúa phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo bản kê khai diện tích đất trồng lúa trong hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai.

Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tiếp nhận hồ sơ đề nghị xác định số tiền phải nộp đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

2. Thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm nộp đủ số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo thông báo của cơ quan tài chính vào ngân sách thành phố tại Kho bạc Nhà nước nơi thực hiện dự án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành thông báo. Trường hợp quá thời hạn nộp người được nhà nước giao đất, cho thuê đất sẽ phải nộp thêm tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Khoản tiền thu được theo quy định tại Điều 2 được nộp vào ngân sách nhà nước như sau:

a) Tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa phải nộp vào ngân sách cấp thành phố: Tài khoản 7111; Tiểu mục: 4914.

b) Tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế nộp vào ngân sách cấp thành phố: Tài khoản 7111; Tiểu mục: 4947.

Điều 4. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện và cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước.

1. Sở Tài chính.

a) Căn cứ hồ sơ đề nghị xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp, xác định số tiền và ban hành thông báo thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; theo dõi, hạch toán số tiền phải nộp, đã nộp, còn phải nộp, đúng thời hạn, không đúng thời hạn; trường hợp chưa nộp đủ thực hiện đôn đốc và báo cáo tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố có biện pháp giải quyết kịp thời.

b) Chủ trì phối hợp cùng Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, căn cứ vào kế hoạch chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn thành phố, hàng năm dự kiến khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa để tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân quyết định.

c) Hướng dẫn và tổ chức thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách thành phố.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường.

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố (đối với trường hợp cơ quan tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất), hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện (đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình được nhà nước giao đất, cho thuê đất) ghi cụ thể diện tích đất chuyên trồng lúa

nước chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước phải nộp số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định; trường hợp giao đất để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất ghi cụ thể số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trong quyết định giao đất để thực hiện.

b) Hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân, Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn thành phố; chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất trồng lúa của các địa phương trên địa bàn thành phố.

c) Căn cứ bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa nước của người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất (đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cơ ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao), thực hiện hướng dẫn và xác nhận rõ diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa để làm căn cứ xác định số tiền phải nộp theo quy định.

3. Kho bạc Nhà nước.

a) Cung cấp chứng từ nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa cho cơ quan tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước theo quy định.

b) Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo thông báo của cơ quan Tài chính vào ngân sách thành phố tại Kho bạc Nhà nước.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

a) Phối hợp cùng Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất trồng lúa của các địa phương trên địa bàn thành phố.

b) Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn thành phố gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm.

5. Cục Thuế thành phố.

a) Phối hợp cùng Sở Tài chính xác định số tiền tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài

có chức năng ngoại giao.

b) Chỉ đạo các Chi cục Thuế phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện xác định đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư

6. Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

a) Tổ chức công khai và quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa của địa phương đã được xét duyệt; xác định cụ thể diện tích, ranh giới đất trồng lúa, hàng năm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về việc bảo vệ diện tích, chỉ giới, chất lượng đất trồng lúa theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được phê duyệt.

c) Kiểm tra việc thực hiện nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước trước khi giao đất ngoài thực địa.

d) Định kỳ hàng năm, xây dựng phương án cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại; xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa tại địa phương (quy định tại Điều 7 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý sử dụng đất trồng lúa) gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp theo quy định.

đ) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận, huyện ghi cụ thể diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp; nêu rõ trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước phải nộp số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định; Phối hợp cùng Sở Tài nguyên và Môi trường kê khai, xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa; Tổng hợp kết quả, tình hình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

e) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch căn cứ kê khai của hộ gia đình cá nhân sử dụng đất để xác định và thông báo khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách theo quy định tại Điều 2 Quyết định này.

f) Thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trong trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất.

7. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước: Thực hiện kê khai và nộp đầy đủ, đúng thời hạn số tiền bảo vệ, phát triển đất lúa vào Kho bạc Nhà nước theo Quyết định này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/9/2020.

2. Sở Tài chính chủ trì cùng Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các quận, huyện cùng các ngành có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện quyết định này, giải quyết các trường hợp vướng mắc phát sinh theo quy định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Cục trưởng Cục Thuế thành phố; Ban Quản lý khu kinh tế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Vụ pháp chế các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KTVBQPPL-Bộ TP;
- TTTU, TTHĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 5;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Cổng TTĐT, Công báo thành phố, Đài PT&TH HP; Báo Hải Phòng.
- Các Phòng: TCNS, NNTNMT, NC&KTGS;
- CV: DN, ĐC3, ĐC2, ĐC1, TC.
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tùng